

Chuyên đề: **THƠ KHÁNG CHIẾN (1945-1954)**

Vấn đề 1: **TÂY TIẾN**

*“Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi”*

Quang Dũng

I. TƯ LIỆU VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

“Quang Dũng viết khá sớm (trước *Tây Tiến* – 1948, anh đã làm thơ, mặc dù phải từ *Tây Tiến*, anh mới khẳng định được một phong cách thơ riêng) và sáng tác nhiều thể loại. Tác giả của bài hát *Ba Vì mờ cao* mà mỗi nốt nhạc, lời thơ từng lắng sâu vào đáy hồn những người thanh niên xa nhà đi kháng Pháp, cũng là tác giả của nhiều bài thơ tình nằm trong ký ức sâu thẳm và thành hành trang tinh thần của nhiều thế hệ, nhiều thời (*Mất người Sơn Tây, Tây Tiến, Những làng đã qua, Đường trăng...*) mà phần nhiều được truyền bằng những bản chép tay chứ không cần đến bản in giấy trắng, mực đen. Quang Dũng là tác giả của những tập truyện ký, với phong thái riêng khó lẫn, lại cũng là tác giả của những bức tranh, đa phần là tranh lụa, vẽ phong cảnh. Viết sớm và nhiều như vậy, nhưng vốn là người thích “*giang hồ*”, lại vốn không chuyên tâm đến việc xuất bản, in ấn và lưu giữ, vì thế sáng tác của Quang Dũng bị thất lạc nhiều. Và, cho đến hết đời, Quang Dũng vẫn chỉ là chủ nhân của một gia tài không mấy lớn lao so với những bạn viết cùng lứa, cùng thời: hai tập thơ và ba tập văn xuôi (kể cả những tập in chung với bạn thơ, bạn văn).

Quang Dũng sống đôn hậu và trong con người đôn hậu ấy ẩn chứa một tâm hồn nghệ sĩ hùng hậu, đầy vẻ dân dã. Dù sớm phải xa quê, già nhà đi kháng chiến, nhưng trên suốt nẻo đường chinh chiến, đi đâu, đến đâu và làm gì, con người bình dị ấy vẫn luôn hưởng về quê hương. Quang Dũng có khả năng hòa hợp tuyệt diệu và rung động tinh nhạy với những chòm xóm, cảnh quê, với tình cảm đồng quê chân mộc, lam lũ nhưng cũng rất thơ mộng. Chính cảm xúc hồn hậu ấy, cái hồn quê ấy là cái hồn của những bức tranh quê được phát về tài tình trong thơ anh bằng ngòi bút của một nghệ sĩ có năng khiếu thẩm mỹ tổng hợp – “*Cầm, kì, thi, họa*”. Cảnh hiện lên trong thơ anh không bằng bạc mà có thần thái, sinh động trong sự hòa hợp nhuần nhuyễn của âm thanh với sắc màu, của tình với cảnh. Có một sức gì níu giữ, gợi cảm ở những cảnh quê chân mộc thế này:

*Bến cuối thôn xuân hoa gạo rơi
Sông xanh hiền triết lặng trôi xuôi
Đò ngang một chuyến qua mưa bụi
Ấm áp trong mưa tiếng nói cười...*

Hoặc: *Là những đường quân qua bến làng
Hoa nhài thơm ngõ đượm quân trang
Lớp này lớp khác người sang hết
Thuyền lại nằm phơi dưới nguyệt vàng*

Hoặc nữa: *Nắng nửa sông xa mờ khí núi
Cánh hồng nhạt nhạt mây phiêu lưu...*

Trong thơ Quang Dũng, hầu hết là những “bức tranh quê” như thế. Với ý tưởng chủ đạo “quê hương trường cửu cùng non nước; Ba chục năm trời vẹn ý thơ”, Quang Dũng đã cố gắng lột tả cho hết vẻ đẹp nông hậu của quê hương Việt Nam với những nét đặc sắc riêng

không lẫn, góp cho thơ Việt Nam những bức tranh quê đậm thắm, xúc động lòng người. Trong tình yêu quê hương, đất nước mệnh mang ấy, vẫn có một góc niềm riêng sâu thẳm, trong lành nhất, Quang Dũng dành riêng cho xứ Đoài-quê hương anh, nơi anh từng sống gắn bó suốt tuổi thơ. Có người đã nói "Quang Dũng là nhà thơ của xứ Đoài", quả cũng một phần có lí. Viết về xứ Đoài, thơ anh đậm sâu, da diết cả trong tâm tưởng và tình cảm. Những ngày phải xa quê, canh cánh trong anh là nỗi mong ngóng nhớ nhung khắc khoải về vùng quê xa ấy:

Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt

Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì

Nhiều khi không tìm được, anh phải thốt thành lời cho người ngoài nỗi nhớ "Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm...". Cháy bỏng nỗi khát khao, ngày được trở lại, được say sưa hít thở không khí thôn dã, được đắm mình trong hương mùa màng, được tận hưởng niềm vui thưởng ngoạn tận hưởng vẻ đẹp của quê hương:

Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn

Về núi Sài Sơn ngóng lúa vàng

Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc

Sáo diều khuya khoắt thổi thêm trăng

Có người làm thơ lấy cái "chân" làm gốc, lại cũng có người trọng sự tài hoa. Ở Quang Dũng là sự kết hợp tuyệt vời giữa vẻ đẹp chân chất, dân dã với tài hoa tinh tế. Nhiều bài thơ, do vậy đạt đến độ chân tài. Bên cạnh *Tây Tiến*, là những bài thơ từng sống và lắng sâu trong tâm tưởng người đọc: *Mắt người Sơn Tây, Những làng đã qua, Đường trắng, Những cô hàng xóm...*

Quang Dũng viết hồn nhiên và rất thật. Dường như chưa bao giờ anh giấu mình và càng không bao giờ dối mình trong thơ. Từ sự dẫn thân, mang đậm hào khí của cả một lớp người thời đại:

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh...

Đến những kỉ niệm, những tâm sự buồn vui của cuộc đời chinh chiến và sau này nữa, cả cảm giác chật chội thiếu chân trời trong *Mây đầu ô* đều là tâm sự thật, cảm giác thật của riêng anh được bộc bạch trên trang giấy. Những lời nhắc nhở trong *Đường chiều thứ bảy*, cũng mang nét riêng của Quang Dũng: không gân cốt mà thắm thía bởi đó là sự nhắn gửi thiết tha của một tấm lòng nhân hậu, trọng nghĩa tình.

Thơ Quang Dũng có nhiều bài lắng buồn: *Mưa, Quán nước, Thu, Chiều núi mưa rào...* Ngay cả cái buồn ấy cũng là tâm trạng thực của anh viết ra nhiều khi dễ gây hiểu lầm, song anh vẫn không ngại bộc bạch.

Quang Dũng không viết một cái gì chung chung. Với anh, thơ là sản phẩm, mang sắc thái riêng và cụ thể những gì anh đã sống trải, quan sát và ghi nhận được. Phần không nhỏ tạo nên sức hấp dẫn và giá trị lâu dài của thơ chính là ở tính cụ thể, chân sát ấy. Nhờ vậy, chúng ta mới có được những bài thơ có sức gợi dựng lại cả một thời hoặc lưu khắc lại chân dung sát thực của cả một thế hệ, dạng như *Tây Tiến, Những làng đã qua, đường 12, những cô hàng xóm, đường trăng...*

Dù Quang Dũng để lại cho chúng ta không nhiều thơ nhưng mặc nhiên bốn mươi năm nay, anh là nhà thơ được mến mộ. Với *Rừng Biển quê hương* (tập thơ in chung với Trần Lê Văn), *Bài thơ Sông Hồng, Mây đầu ô* Quang Dũng đã dành cho chúng ta phần quý đẹp

riêng của tâm hồn và cá tính sáng tạo độc đáo của một nghệ sĩ chân tài, đầy nhiệt tâm với quê hương, đất nước và con người.

*Mai Hương(Quang Dũng(1921-1986)
Tạp chí văn học số 3 – 1990, TR 39-41)*

Quang Dũng vào “làng” thơ cách mạng với bài *Tây Tiến*. Như có mối duyên gì ràng buộc, bài thơ ấy gắn bó với người làm ra nó đến mức cứ nói đến Quang Dũng là người ta nhớ đến bài thơ *Tây Tiến* và ngược lại.

(...) Khoảng cuối mùa xuân năm 1947, Quang Dũng, Nguyên Phái Viên phòng quân sự Bắc Bộ và học viên lớp quân sự ở Tông (Sơn Tây) về Phùng từ già Mẹ già, Vợ trẻ, con thơ để lên đường gia nhập đoàn quân Tây Tiến. Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập vào đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao quân đội Pháp ở Thượng Lào để hỗ trợ cho những vùng khác trên đất Lào. Địa bàn đóng quân và hoạt động của Tây Tiến khá rộng: từ Châu Mai, Châu Mộc sang Sầm Nứa rồi vòng về qua miền Tây Thanh Hoá. Bộ đội Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, lao động chân tay cũng lắm, trí thức cũng nhiều. Có những học sinh cũ của các trường Sư Phạm, Bưởi, Thăng Long, Văn Lang như Quang Dũng, Vạn Thắng, Tuấn Sơn, Như Trang... Riêng Tuấn Sơn và Như Trang đã đỗ tú tài và thường được gọi là hai “*Cậu Tú*”. Bác sĩ Phạm Ngọc Khuê cũng là một trí thức và một thầy thuốc có tiếng. Lại có những nữ chiến sĩ hoa khôi của thủ đô như y tá Phương Lan... Xuất thân “*bình dân*” thì có anh trước kia bán “*phá xan*” (lạc rang), có anh trước kia làm đồ tể ở lò mổ. Họ sống với nhau rất vui. Anh đồ tể có thể biểu diễn mổ bò trong chớp mắt để tổ chức liên hoan. Cô y tá xinh đẹp sừng lục đeo bên sườn, phi ngựa như bay. Ai thiếu áo thì đồng đội có thể cởi áo tặng ngay. Cái gian khổ, cái thiếu thốn về vật chất của tây Tiến cũng khùng khiếp. Hồ ấy ở rừng, sốt rét hoành hành dữ dội. Đánh trận tử vong ít, sốt rét tử vong nhiều. Đại đội trưởng kim nhạc sĩ Như Trang sáng tác bài hát “*Tiếng cồng quân y*” tả cái tiếng cồng rền rĩ không mấy ngày là không nổi lên ở trạm quân y, báo hiệu một đồng chí qua đời vì sốt rét. Thuốc chữa bệnh rất hiếm, nhất là món Ký ninh vàng. Mỗi buổi sáng, cô y tá bỏ vài viên vào một chai nước. Mỗi bệnh nhân được uống một chén. Thơ Quang Dũng viết “*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*” là nói về những cái đầu cạo trọc để khi đánh giáp lá cà, Tây cũng không nắm được chiến sĩ ta. Nhưng “*không mọc tóc*” còn có nghĩa sốt rét đến nỗi tóc cũng không mọc được. “*Quân xanh màu lá*” vì sốt rét như thế mà “*vẫn dữ oai hùm*” nhiều trận đánh làm cho giặc Pháp kinh hoàng. Như trận Đốc Đet (trên đường từ Phố Vàng sang Mường Bi) có những chiến sĩ sốt rét run cầm cập, vẫn nằm nguyên ở vị trí chiến đấu, bắn súng, ném lựu đạn, vẫn đá từ trên cao xuống tiêu diệt địch. Bọn giặc sống sót phải rút lui xuống Suối Rút.

Đoàn quân tây Tiến, sau một thời gian hoạt động ở Lào trở về thành lập trung đoàn 52. Đại đội trưởng Quang Dũng ở đó đến cuối năm 1948 rồi được chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị cũ chưa bao lâu, ngồi ở Phù Lưu Chanh anh viết bài thơ *Tây Tiến*. Bài thơ vừa ra đời đã được đọc trong và ngoài quân đội truyền tay, truyền miệng cho nhau. Trong tập “*thơ*” do nhà xuất bản Vệ quốc quân liên khu III ấn hành năm 1949, bài thơ có nhan đề là “*Nhớ Tây Tiến*”. Năm 1957, khi đưa bài này vào tập “*Rừng biển quê hương*” (in chung với Trần Lê Văn – Nhà Xuất Bản hội nhà văn) Quang Dũng bỏ chữ “*Nhớ*”, chỉ lấy hai chữ “*Tây Tiến*”

Trần Lê Văn(bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng

*In trong Nhìn nhận lại một số hình tượng Văn học.
Báo Giáo viên nhân dân, số đặc biệt(27-28-29-30-31)
tháng 7/1989, TR..41*

II. CÂU HỎI

1/ Kể tên ba bài thơ viết về người lính trong buổi đầu kháng Pháp đã được học và đọc thêm ở chương trình văn trung học. Mỗi bài chép lại vài câu tiêu biểu.

2/ Thí sinh hiểu gì về bài thơ “*Tây Tiến*” của Quang Dũng.

III. LÀM VĂN

Đề 1: Bình giảng đoạn thơ sau trong bài “*Tây Tiến*” của Quang Dũng:

*“Sông mã xa rồi Tây Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời !
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”*

*** Bài làm**

Năm 1948, cuộc kháng chiến của quân thù và dân ta chống thực dân Pháp bước sang năm thứ 3. Ta vừa thắng lớn trên chiến trường Việt Bắc thu đông 1947. Chặng đường lịch sử phía trước của dân tộc còn đầy thử thách gian nan. Cuộc kháng chiến đã chuyển sang một giai đoạn mới. Tiến tuyến và hậu phương tràn ngập tinh thần phấn chấn và quyết thắng.

Thời gian này, văn nghệ kháng chiến thu được một số thành tựu xuất sắc. Một số bài thơ hay viết về “anh bộ đội Cụ Hồ” nối tiếp nhau xuất hiện: “Lên Tây Bắc” (Tố Hữu), “Đồng Chí” (Chính Hữu), “Nhớ” (Hong Nguyên)... và “Tây Tiến” của Quang Dũng.

Quang Dũng viết “*Tây Tiến*” vào năm 1948, tại Phù Lưu Chanh, một làng ven con sông Đáy hiền hòa. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là nỗi nhớ: *nhớ đồng đội thân yêu, nhớ đoàn binh Tây Tiến, nhớ bản mường và núi rừng miền Tây, nhớ kỉ niệm đẹp một thời trận mạc...* Nói về nỗi nhớ ấy, bài thơ đã ghi lại hào khí lãng mạn của tuổi trẻ Việt Nam, của “bao chiến sĩ anh hùng” trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp vô cùng gian khổ mà vinh quang.

“Tây Tiến” là phiên hiệu của một đơn vị bộ đội hoạt động tại biên giới Việt – Lào, miền Tây tỉnh Thanh Hóa và Hòa Bình. Quang Dũng là một cán bộ đại đội của “đoàn binh không mọc tóc” ấy, đã từng vào sinh ra tử với đồng đội thân yêu.

Hai câu thơ đầu nói lên nỗi nhớ, nhớ miền Tây, nhớ núi rừng, nhớ dòng sông Mã thương yêu:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !

Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi

Đã “xa rồi” nên nỗi nhớ không thể nào người được, nhớ da diết đến quận lòng, đó là nỗi nhớ “chơi vơi”. Tiếng gọi “Tây Tiến ơi” vang lên tha thiết như tiếng gọi người thân yêu. Từ cảm “ơi!” bắt vần với từ láy “chơi vơi” tạo nên âm hưởng câu thơ sâu lắng, bồi hồi, ngân dài, từ lòng người vọng vào thời gian năm tháng, lan rộng lan xa trong không gian. Hai chữ “xa rồi” như một tiếng thở dài đầy thương nhớ, hô ứng với điệp từ “nhớ” trong câu thơ thứ hai thể hiện một tâm tình đẹp của người chiến binh Tây Tiến đối với dòng sông Mã và núi rừng miền Tây. Sau tiếng gọi ấy, biết bao hoài niệm về một thời gian khổ hiện về trong tâm tưởng.

Những câu thơ tiếp theo nói về chặng đường hành quân đầy thử thách gian nan mà đoàn binh Tây Tiến từng nếm trải. Các tên bản, tên Mường: Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu... được nhắc đến không chỉ gọi lên bao thương nhớ vơi đầy mà còn để lại nhiều ấn tượng về sự xa xôi, heo hút, hoang dã, thâm sơn cùng cốc,... Nó gợi trí tò mò và háo hức của những chàng trai “Từ thuở mang gươm đi giữ nước – Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long”. Đoàn binh hành quân trong sương mù giữa núi rừng trùng điệp:

*“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi,
Mường Lát hoa về trong đêm hơi”*

Bao núi cao, đèo cao, dốc thẳng dựng thành phía trước mà các chiến sĩ Tây Tiến phải vượt qua. Dốc lên thì “khúc khuỷu” gập ghềnh, dốc xuống thì “thăm thẳm” như dẫn đến vực sâu. Các từ láy: “*khúc khuỷu*”, “*thăm thẳm*”, “*heo hút*” đặc tả gian khổ, gian truân của nẻo đường hành quân chiến đấu: “Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm – Heo hút cồn mây súng ngửi trời!”. Đỉnh núi mù sương cao vút. Mũi súng của người chiến binh được nhân hóa tạo nên một hình ảnh: “*súng ngửi trời*” giàu chất thơ, mang vẻ đẹp cảm hứng lãng mạn, cho ta nhiều thi vị. Nó khẳng định chí khí và quyết tâm của người chiến sĩ chiếm lĩnh mọi tầm cao mà đi tới “Khó khăn nào cũng vượt qua – Kẻ thù nào cũng đánh thắng!”. Thiên nhiên núi đèo xuất hiện như để thử thách lòng người: “ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”. Hết lên lại xuống, xuống thấp lại lên cao, đèo nối đèo, dốc tiếp dốc, không dứt. Câu thơ được tạo thành hai vế tiểu đối: “Ngàn thước lên cao // ngàn thước xuống”, hình tượng thơ cân xứng hài hòa, cảnh tượng núi rừng hùng vĩ được đặc tả, thể hiện một ngòi bút đầy chất hào khí của nhà thơ – chiến sĩ.

Có cảnh đoàn quân đi trong mưa: “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”. Câu thơ được dệt bằng những thanh bằng liên tiếp, gợi tả, sự êm dịu, tươi mát của tâm hồn những người lính trẻ, trong gian khổ vẫn lạc quan yêu đời. Trong màn mưa rừng, tầm nhìn của người chiến binh Tây Tiến vẫn hướng về những bản mường, những mái nhà dân hiền lành và yêu thương, nơi mà các anh sẽ đến, đem xương máu và lòng dũng cảm để bảo vệ và giữ gìn.

Ta trở lại đoạn thơ trên, gian khổ không chỉ là núi cao dốc thẳm, không chỉ là mưa lũ thác ngàn mà còn có tiếng gầm của cọp beo nơi rừng thiêng nước độc, nơi đại ngàn hoang vu:

*“Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”*

“Chiều chiều...” rồi “đêm đêm” nhưng âm thanh ấy, “thác gầm thét”, “cọp trêu người”, luôn khẳng định cái bí mật, cái uy lực khủng khiếp ngàn đời của chốn rừng thiêng. Chất hào sảng trong thơ Quang Dũng là lấy ngoại cảnh núi rừng miền Tây hiểm nguy để tỏ

đậm và khắc họa chí khí anh hùng của đoàn quân Tây Tiến. Mỗi vần thơ đã để lại trong tâm trí người đọc một ấn tượng: gian nan tốt bậc mà cũng can trường tốt bậc! Đoàn quân vẫn tiến bước, người nối người, băng lên phía trước. Uy lực thiên nhiên như bị giảm xuống và giá trị con người như được nâng cao hẳn lên một tầm vóc mới. Quang Dũng cũng nói đến sự hy sinh của đồng đội trên những chặng đường hành quân vô cùng gian khổ:

*“Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời...”*

Hiện thực chiến tranh xưa nay vốn như thế! Sự hy sinh của người chiến sĩ là tất yếu. Xương máu đổ xuống để xây đài tự do. Vần thơ nói đến cái mất mát, hy sinh nhưng không chút bi lụy, thảm thương.

Hai câu cuối đoạn thơ, cảm xúc bồi hồi tha thiết. Như lời nhắn gửi của một khúc tâm tình. Như tiếng hát của một bài ca hoài niệm, vừa băng khuâng, vừa tự hào:

*“Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”*

“Nhớ ôi!” tình cảm dạt dào, đó là tiếng lòng của các chiến sĩ Tây Tiến “*đoàn binh không mọc tóc*”. Câu thơ đậm đà tình quân dân. Hương vị bản mường với “*cơm lên khói*”, với “*mùa em thơm nếp xôi*” có bao giờ quên? Hai tiếng “*mùa em*” là một sáng tạo độc đáo về ngôn ngữ thi ca, nó hàm chứa bao tình thương nỗi nhớ, điệu thơ trở nên uyển chuyển, mềm mại, tình thơ trở nên ấm áp. Cũng nói về hương nếp, hương xôi, về “*mùa em*” và tình quân dân, sau này Chế Lan Viên viết trong bài “*Tiếng hát con tàu*”.

*“Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng
Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn tỏa nhớ mùi hương”*

“Nhớ mùi hương”, nhớ “*cơm lên khói*”, nhớ “*thơm nếp xôi*” là nhớ hương vị núi rừng Tây Bắc, nhớ tình nghĩa, nhớ tấm lòng cao cả của đồng bào Tây Bắc thân yêu.

Mười bốn câu thơ trên đây là phần đầu bài “*Tây Tiến*”, một trong những bài thơ hay nhất viết về người lính trong 9 năm kháng chiến chống Pháp. Bức tranh thiên nhiên hoành tráng, trên đó nổi bật lên hình ảnh chiến sĩ can trường và lạc quan, đang dấn thân vào máu lửa với niềm kiêu hãnh “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh...*”. Đoạn thơ để lại một dấu ấn đẹp đẽ về thơ ca kháng chiến mà sự thành công, là kết hợp hài hòa giữa khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Nửa thế hệ đã trôi qua, bài thơ “*Tây Tiến*” của Quang Dũng ngày một thêm sáng giá

ĐỀ 2: Bình giảng đoạn thơ sau trong bài “*Tây Tiến*” của Quang Dũng:

*“...Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

BÀI LÀM

“Tây Tiến” là bài hát của tình thương mến, là khúc ca chiến trận của anh Vệ quốc quân năm xưa, những anh hùng buổi đầu kháng chiến “áo vải chân không đi lùng giặc đánh” (“Nhớ” – Hồng Nguyên), những tráng sĩ ra trận với lời thề “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*”.

Quang Dũng viết bài thơ “Tây Tiến” vào năm 1948, tại Phù Lưu Chanh bên bờ sông Đáy thương yêu: “Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc – Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng” (Mắt người Sơn Tây – 1949). Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập vào năm 1947, hoạt động và chiến đấu ở thượng nguồn sông Mã, miền Tây Hòa Bình, Thanh Hóa sang Sầm Nưa, trên dải biên cương Việt – Lào. Quang Dũng là một đại đội trưởng trong đoàn binh Tây Tiến, đồng đội anh nhiều người là những chàng trai Hà Nội yêu nước, dũng cảm, hào hoa. Bài thơ “Tây Tiến” nói lên nỗi nhớ của tác giả sau một thời gian xa rời đơn vị: “Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi! – Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi...”

Bài thơ gồm có 4 phần. Phần đầu nói về nỗi nhớ, nhớ sông Mã, nhớ núi rừng miền Tây, nhớ đoàn binh Tây Tiến với những nẻo đường hành quân chiến đấu vô cùng gian khổ... Đoạn thơ trên đây gồm có 16 câu thơ, là phần 2 và phần 3 của bài thơ ghi lại *những kỉ niệm đẹp một thời gian khổ, những hình ảnh đầy tự hào về đồng đội thân yêu.*

Ở phần đầu, sau hình ảnh “Anh bạn dãi dàu không bước nữa – Gục lên súng mũ bỏ quên đời”, người đọc ngạc nhiên, xúc động trước vần thơ ấm áp, man mác, tình tứ, tài hoa:

*“Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”*

Bát cơm tỏa khói nặng tình quân dân, tỏa hương của “thơm nếp xôi”, hương của núi rừng, của Mai Châu,... và hương của tình thương mến.

Mở đầu phần hai là sự nối tiếp cái hương vị “thơm nếp xôi” ấy. “Hội đuốc hoa” đã trở thành kỉ niệm đẹp trong lòng nhà thơ, và đã trở thành hành trang trong tâm hồn các chiến binh Tây Tiến:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”*

“Đuốc hoa” là cây nến đốt lên trong phòng cưới, đêm tân hôn, từ ngữ được dùng trong văn học cũ: “Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa” (Truyện Kiều – 3096). Quang Dũng đã có một sự nhào nặn lại: hội đuốc hoa – đêm lửa trại, đêm liên hoan trong doanh trại đoàn binh Tây Tiến. “Bừng” chỉ ánh sáng của đuốc hoa, của lửa trại sáng bừng lên; cũng còn có nghĩa là tiếng khèn, tiếng hát, tiếng cười tưng bừng rộn rã. Sự xuất hiện của “em”,

của “nắng” làm cho hội đuốc hoa mãi mãi là kỉ niệm đẹp một thời chinh chiến. Những thiếu nữ Mường, những thiếu nữ Thái, những cô phù xao Lào xinh đẹp, duyên dáng “e ấp”, xuất hiện trong bộ xiêm áo rực rỡ, cùng với tiếng khèn “man điệu” đã “xây hồn thơ” trong lòng các chàng lính trẻ. Chữ “kia” là đại từ để trỏ, đứng đầu câu “Kia em xiêm áo tự bao giờ” như một tiếng trầm trồ, ngạc nhiên, tình tứ. Mọi gian khổ, mọi thử thách,... như đã bị đẩy lùi và tiêu tan.

Xa Tây Tiến mới có bao ngày thế mà nhà thơ “nhớ chơi vơi”, nhớ “hội đuốc hoa”, nhớ “chiều sương Châu Mộc ấy”. Hỏi “người đi” hay tự hỏi mình “có thấy” và “có nhớ”. Bao kỉ niệm sâu sắc và thơ mộng lại hiện lên và ùa về:

*“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

Chữ “ấy” bắt vần với chữ “thấy”, một vần lưng thần tình, âm điệu câu thơ trôi xuống như một nốt nhấn, một sự nhắc nhở trong hoài niệm nhiều băng khuâng. Nữ sĩ xưa nhớ kinh thành Thăng Long là nhớ “hồn thu thảo”, nay Quang Dũng nhớ là nhớ “hồn lau”, nhớ cái xào xạc của gió, nhớ những cờ lau trắng trời. Có “nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi” thì mới có nhớ và “có thấy hồn lau” trong kỉ niệm. “Có thấy”... rồi lại “có nhớ”, một lối viết uyển chuyển tài hoa, đúng là “câu thơ trước gọi câu thơ sau” như những kỉ niệm trở về... Nhớ cảnh (hồn lau) rồi nhớ người (nhớ dáng người) cùng con thuyền độc mộc “trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”. Hình ảnh “hoa đong đưa” là một nét vẽ lãng mạn gợi tả cái “dáng người trên độc mộc” trôi theo thời gian và dòng hoài niệm. Đoạn thơ gợi lên một vẻ đẹp mơ hồ, thấp thoáng, gần xa, hư ảo trên cái nền “chiều sương ấy”. Cảnh và người được thấy và nhớ mang nhiều man mác băng khuâng. Bút pháp, thi pháp của chủ nghĩa lãng mạn để lại dấu ấn tài hoa qua đoạn thơ này. Giữa những “bến bờ”, “độc mộc”, “dòng nước lũ” là “hồn lau”, là “dáng người”, là “hoa đong đưa” tất cả được phủ mờ bởi màn trắng mỏng của một “chiều sương” hoài niệm. Tưởng là siêu thực mà lãng mạn, tài hoa.

Phần ba bài thơ nói về đoàn binh Tây Tiến. Quang Dũng sử dụng bút pháp hiện thực để tạo nên bức chân dung những đồng đội thân yêu của mình. Ở phần một nói về con đường hành quân vô cùng gian khổ để khắc họa chí khí anh hùng các chiến sĩ Tây Tiến; Phần hai, đi sâu miêu tả vẻ đẹp lãng mạn của những chiến binh hào hoa, yêu đời. Phần ba này, người đọc cảm thấy nhà thơ đang nhớ, đang ngắm nhìn, đang hồi tưởng, đang nghĩ về từng gương mặt thân yêu, đã cùng mình vào sinh ra tử, nếm trải nhiều gian khổ một thời trận mạc. Như một đoạn phim cận cảnh gợi tả cái dữ dội, cái khốc liệt một thời máu lửa oai hùng. Chủ nghĩa yêu nước của dân tộc hun đúc qua 4.000 năm lịch sử được nâng lên tầm vóc mới của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời đại Hồ Chí Minh:

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”*

Những vần thơ ngắn gọn chất hiện thực, nửa thế kỷ sau mà người đọc vẫn cảm thấy trong khói lửa, trong âm vang của tiếng súng, những gương mặt kiều hùng của đoàn dũng sĩ Tây Tiến. “Đoàn binh không mọc tóc”, “Quân xanh màu lá”, tương phản với “dữ

oai hùng". Cả ba nét vẽ đều sắc, góc cạnh hình ảnh những "Vệ túm", "Vệ trọc" một thời gian khổ được nói đến một cách hồn nhiên. Quân phục xanh màu lá, nước da xanh và đầu không mọc tóc vì sốt rét rừng, thế mà quốc thước hiện ngang, xung trận đánh giáp lá cà "dữ oai hùng" làm cho giặc Pháp kinh hồn bạt vía "Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu" là hình ảnh các tráng sĩ "Sát Thát", đời Trần; "Tướng sĩ kén tay tì hổ – Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh" là tầm vóc các nghĩa sĩ Lam Sơn. "Quân xanh màu lá dữ oai hùng" là chí khí lẫm liệt hiên ngang của anh bộ đội cụ hồ trong chín năm kháng chiến chống Pháp. Gian khổ và ác liệt thế, nhưng họ vẫn mộng vẫn mơ. "Mắt trừng gửi mộng qua biên giới"; Mộng giết giặc, đánh tan lũ xâm lăng "xác thù chất đống xây thành chiến công". Trên chiến trường, trong lửa đạn thì "mắt trừng", giữa đêm khuya trong doanh trại có những cơn mơ đẹp: "đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm". Ba chữ "dáng kiều thơm" từng in dấu vết trong văn lãng mạn thời tiền chiến, được Quang Dũng đưa vào vãn thơ mình diễn tả thật "đắt" cái phong độ hào hoa, đa tình của những chiến binh Tây Tiến, những chàng trai của đất nghìn năm văn vật, giữa khói lửa chiến trường vẫn mơ, vẫn nhớ về một mái trường xưa, một góc phố cũ, một tà áo trắng, một "dáng kiều thơm". Ngòi bút của Quang Dũng biến hoá, lúc thì bình dị mộc mạc, lúc thì mộng ảo nên thơ, và đó chính là vẻ đẹp hào hùng tài hoa của một hồn thơ chiến sĩ.

Bốn câu thơ tiếp theo ở cuối phần 3, một lần nữa nhà thơ nói về sự hy sinh tráng liệt của những anh hùng vô danh trong đoàn quân Tây Tiến. Câu thơ "Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh" vang lên như một lời thề "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Có biết bao chiến sĩ đã ngã xuống nơi góc rừng, bên bờ dốc vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Một trời thương nhớ mệnh mang: "Rải rác biên cương mồ viễn xứ..." Các anh đã "về đất" một cách thanh thản, bình dị; yên nghỉ trong lòng Mẹ, giấc ngủ nghìn thu. Chẳng có "da ngựa bọc thây" như các tráng sĩ ngày xưa, chỉ có "áo bào thay chiếu anh về đất", nhưng Tổ quốc và nhân dân đời đời ghi nhớ công ơn các anh. Tiếng thác sông Mã "gầm lên" như một loạt đại bác nổ xé trời, "khúc độc hành" ấy đã tạo nên không khí thiêng liêng, bi tráng và cao cả:

*"Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành"*

Các từ Hán Việt xuất hiện bất ngờ trong đoạn thơ (biên cương, viễn xứ, chiến trường, áo bào, khúc độc hành) gợi lên màu sắc cổ kính, tráng liệt và uy nghiêm. Có mắt mát hy sinh. Có xót xa thương tiếc. Không bi lụy yếu mềm, bởi lẽ sự hy sinh đã được khẳng định bằng một lời thề: "Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh". Biết bao xót thương và tự hào ẩn chứa trong vãn thơ. Quang Dũng là một trong những nhà thơ đầu tiên của nền thơ ca kháng chiến nói rất cảm động về sự hy sinh anh dũng của các chiến sĩ vô danh. Hơn 20 năm sau, những thi sĩ thời chống Mĩ mới viết được những vãn thơ cảm động như thế:

*"Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất nước"*

("Đất nước" - Nguyễn Khoa Điềm)

Những tháng năm chiến tranh đã đi qua. Đoàn binh Tây Tiến những ai còn ai mất, những ai đã “lấy đá ven rừng chếp chiến công”? “Cổ lai chinh chiến kỉ nhân hồi?” – xưa nay, buổi chiến tranh, mấy ai đi chinh chiến còn trở về?

Đoạn thơ trên đây cho thấy cái tâm đẹp và cái tài hoa của Quang Dũng. Nếu Chính Hữu, qua bài “Đồng Chí” đã nói rất hay về người nông dân mặc áo lính, thì Quang Dũng, với bài thơ “Tây Tiến” đã dựng lên một tượng đài hùng vĩ uy nghiêm về những chàng trai Hà Nội “mang gươm đi giữ nước” dũng cảm, can trường, trong gian khổ chiến đấu hy sinh vẫn lạc quan yêu đời. Anh hùng, hào hoa là hình ảnh đoàn binh Tây Tiến.

Hai đoạn thơ trên đây thể hiện cốt cách và bút pháp lãng mạn, hồn thơ tài hoa của Quang Dũng. Nếu “thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp” thì “Tây Tiến” đã cho ta cảm nhận về ấn tượng ấy. “Tây Tiến” đã mang vẻ đẹp độc đáo của một bài thơ viết về người lính – anh bộ đội cụ Hồ những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Bài thơ hội tụ mọi vẻ đẹp và bản sắc của thơ ca kháng chiến ca ngợi chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

ĐỀ 3: Khổ kết bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng

(Học sinh tự soạn)

Vấn đề 2: **BÊN KIA SÔNG ĐUỐNG**

*“Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ” ...*

(Hoàng Cầm)

I. TƯ LIỆU VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

“Mẹ tôi là người vùng quan họ. Bà thuộc rất nhiều làn điệu và hát hay nổi tiếng trong vùng. Hương vị dân tộc, chất tình tứ, hư ảo của những câu ca quan họ đã thấm đẫm trong hồn tôi từ những ngày nhỏ dại. Suốt thời thơ ấu tôi sống ở làng quê. Năm lên 8 tuổi tôi đã làm bài thơ lục bát đầu tiên, viết bằng bút chì xanh đỏ, gửi cho một cô gái rất đẹp ở gần nhà, tên là Vinh. Lúc bắt đầu đi học, tôi học ở Bắc Giang. Lớn hơn một chút, lúc học Cao đẳng tiểu học tôi lại về Bắc Ninh...”

Cô đã nhắc đến bài thơ *Bên kia sông Đuống* thì tôi cũng xin kể luôn về trường hợp tôi sáng tác bài thơ này. Đó là dịp đầu năm 1948. Sau tết ta, trời đã chuyển sang tiết xuân nhưng vẫn còn hơi lạnh. Tôi cùng với Nguyên Hồng, Nguyễn Dịch Dũng, Xuân Thu, Hoàng Tích Linh, Kim Lân... đóng ở làng Thượng, huyện Phú Bình, Thái Nguyên.

Bên kia sông Đuống, dọc theo hữu ngạn là vùng quê tôi gồm: Gia Lâm, Lương Tài, Gia Bình, Thuận Thành. Kéo dài một vệt đến tận Phả Lại. Đó là một miền quê thơ mộng, trù phú. Nhưng từ năm 1947, quân Pháp đã tràn lên chiếm đóng, càn quét. Lúc bấy giờ, ông Vương Văn Trà, người cùng làng tôi thành lập một tiểu đoàn du kích lấy tên là tiểu đoàn Thiên Đức đánh lại quân Pháp. Do thế địch đang mạnh nên đầu năm 1948 tiểu đoàn phải rút lui lên khu an toàn. Nơi đây, ông Chu Tấn Văn và ông Lê Quảng Ba lúc đó ở Bộ tư lệnh khu XII yêu cầu ông Vương Văn Trà báo cáo tình hình. Hôm đó, tôi được mời nghe. Đêm về tôi không sao ngủ được. Lòng buồn nôn nao nỗi nhớ tiếc quê hương bị chiếm đóng, tàn phá. Bao tình cảm riêng – chung lẫn lộn cứ trào lên mãnh liệt. Và thế là, trong khi các đồng chí đang ngủ ngon giấc, tôi thấp đèn ngồi viết *Bên kia sông Đuống*. Tôi còn nhớ rất rõ trạng thái xúc

cảm của tôi khi viết bài thơ này. Dường như tôi viết không kịp. Phải cố gắng lắm tôi mới theo đuổi được những câu thơ, ý thơ dồn dập, trào lên ngon bút. Chưa bao giờ tôi thấy quê hương lại cụ thể, máu thịt xót xa dường ấy. Toàn thân tôi run lên. Những hình ảnh, âm thanh màu sắc dẹt nên quê hương thân yêu giờ như chìm trong lửa cháy, nước mắt và trong “...*máu loang chiều mùa đông*”. Sau mỗi câu viết ra, tôi cảm thấy ớn lạnh cả xương sống. Dường như chúng từ đó mà ra.

Cứ như thế, cho đến khi tôi viết câu thơ cuối cùng “ *Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh*” thì cũng là lúc trời rạng sáng. Lúc này tôi mới thấm mệt nhưng trong lòng lại thấy thanh thản, nhẹ nhõm như vừa được giải tỏa. Thấy Nguyên Hồng có vẻ đã thức giấc, tôi gọi anh dậy và đọc bài thơ cho anh nghe. Mới được dăm câu anh đã khóc. Nguyên Hồng vẫn vậy, và cứ thế nức nở cho đến khi tôi đọc hết bài thơ. Anh đòi đánh thức cả Nguyễn Địch Dũng, Xuân Thu, Kim Lân dậy để tôi đọc lại. Sau đó anh bắt tôi chép thành ba bản. Một bản gửi cho báo *Cứu quốc*, chỗ anh Như Phong và anh Tô Hoài. Một bản gửi cho báo nhân dân. Một bản gửi đến Hội Văn Nghệ, chỗ anh Nguyễn Huy Tưởng. Bài thơ được báo Cứu Quốc in lần đầu tiên khoảng tháng 6/1948. Cho đến giờ, tôi vẫn thích phần đầu của bài thơ. Đó là những gam màu hỗn nhiên nhất, tươi tắn nhất trong bức tranh quê hương. Đó là những xúc cảm mãnh liệt nhất, trong sáng nhất mà tôi dành cho miền đất thân yêu của tôi”

(Trích bài “ *Chuyện về lá diêu bông và bài thơ Bên kia sông Đuống*” do Hoàng Cầm kể. Lưu Khánh Thơ ghi, tạp chí văn học số 3, 1991)

II. CÂU HỎI:

1/ Nhà thơ Hoàng Cầm sáng tác bài thơ *Bên Kia Sông Đuống* trong hoàn cảnh nào?

2/ Lựa chọn và phân tích ngắn một vài câu thơ có giá trị biểu cảm trong “*Bên Kia Sông Đuống*” của Hoàng Cầm

3/ Bình giảng ba câu thơ:

“ *Sông Đuống trôi đi*

Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng trường kỳ...”

* Gợi ý làm bài

1/ Sinh ra và lớn lên ở vùng Kinh Bắc, hồn thơ Hoàng Cầm gắn bó mật thiết, sâu nặng gắn bó với vùng quê cổ kính này. Tuy nhiên tình yêu quê hương tha thiết ấy, nếu không gặp được hoàn cảnh cụ thể thì mãi mãi vẫn cứ nằm im lìm trong trái tim nhà thơ.

Hoàn cảnh tạo nên cảm hứng của bài thơ đã đến vào một đêm giữa tháng 4 năm 1948. Đêm đó sau khi nghe xong những thông tin về tình hình giặc đánh phá quê hương Kinh Bắc, Hoàng Cầm cực kỳ xao xuyến tâm tư chồng chất những nhớ thương, nỗi tiếc cùng với niềm căm giận sâu lắng. Hoàng Cầm đã viết bài thơ *Bên kia sông Đuống* trong một tâm trạng đầy xúc cảm đó.

2/ Một số câu: - “ *Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ*”. Nhờ hình ảnh này mà con sông Đuống không còn là vật vô tri vô giác, mà trở nên sống động như có tâm trạng, có linh hồn.

“*Sao xót xa như rụng bàn tay*”

Cũng là một câu thơ sáng tạo, dùng từ thật lạ. Quê hương bị kẻ thù chiếm đóng, nỗi đau về tinh thần, biến thành nỗi đau về thể xác, có thể cảm nhận được một cách cụ thể:

“Như rụng bàn tay”. Cách so sánh ở đây đã đem lại hiệu quả đáng kể: nỗi đau được tô đậm, được khắc hoạ cụ thể, do đó, gây được ấn tượng cho người đọc.

“Mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên”

Gợi được bề dày lịch sử quê hương. Những ngày thái bình yên ả đã trôi đi vào dĩ vãng. Nay giặc đến, quê ta “ngàn ngạt lửa hung tàn”. Nhà thơ nuôi tiếc, hoài vọng cho một thời tươi đẹp.

Nhưng thời tươi đẹp đó đã qua mất rồi, có chăng chỉ còn thấp thoáng trong kí ức của nhà thơ.

“ Có nhớ từng khuôn mặt búp sen”

Phác hoạ sinh động khuôn mặt người con gái vừa bầu bình đầy đặn lại vừa tươi tắn thanh nhã. Câu thơ gợi cho người đọc liên tưởng đến những người con gái quê hương mộc mạc, bình dị nhưng thanh cao trong đó.

3/ Có thể nói cái nhìn toàn cảnh “*Bên kia sông Đuống*” của tác giả là từ “*bên này*” và lấy con sông Đuống làm biên giới. Vậy phải chăng điều làm nhói lòng nhân vật xưng “*anh*” trong bài thơ là tất cả những gì thuộc bên kia sông Đuống? Không ! Nó gồm cả cái đường biên giới ấy tức là con sông ấy nữa. Chẳng thế mà Hoàng Cầm viết:

“Sông Đuống trôi đi

Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì”

Không biết sông Đuống là con sông thứ bao nhiêu rồi đi vào sáng tác văn chương, đặc biệt là nó đã chảy vào thơ những mạch nguồn rào rạt Song, dường như phần lớn, chúng đều được bắt nguồn từ nỗi nhớ của các nhân vật trữ tình. Từ “*Nhớ con sông quê hương*”, “*Giữ bao kỷ niệm giữa dòng trôi*” đến “*Dòng sông quê hương trong vất*” trong “*đôi mắt*” “*em*” của Tế hanh, từ lời thì thầm: “*Quý con sông Hồng phù sa cuộn đỏ*” đến thiết tha: “*Yêu con sông Thương nước chảy đôi dòng*” của Nguyễn Việt Lãm... Cho nên, chúng thường mang cái dáng xưa là rất yếu. Con sông Đuống của Hoàng Cầm thì lại khác. Ở đây có sự chấp lại giữa hai thì: hiện tại và quá khứ. Hiện tại – nếu ta chỉ nhìn cục diện khổ thơ đang xét. Còn quá khứ? Chính là bờ “*Cát trắng phẳng lì*” gắn với “*ngày xưa*” (“*Ngày xưa cát trắng phẳng lì*”). Khổ thơ trên đã cổ tích hóa con sông, trùm phủ lên nó một lớp khói sương lãng đãng. Dĩ nhiên chưa tới độ “*mật mờ*” như mặt Hồ Tây trong bài ca dao kia nhưng cái lớp sương khói cũng đủ nói với ta rất nhiều về một khoảng không gian tâm tưởng. Vâng! Chỉ có không gian tâm tưởng và chỉ có cảm xúc nằm trong không gian tâm tưởng mới thực sự làm cơ sở ban đầu để tác giả viết hai câu xếp vào loại những câu thơ hay nhất của nền thơ hiện đại.

“Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì”

Biết cất nghĩa làm sao cái “*lấp lánh*” của “*một dòng*” trôi và trời ơi, còn cái dáng “*nằm nghiêng nghiêng*” này nữa. Anh bây giờ đứng đây, lặng lẽ, trơ trọi mà hướng cặp mắt đau đáu, mênh mang tuyệt vọng về bên ấy. Đúng là vị trí đứng của anh phải xa bên ấy lắm nhưng nỗi nhớ hẳn phải cồn cào hơn và niềm đau trong anh càng quặn thắt hơn thế nữa nên anh mới ngắm được cái tư thế “*nằm nghiêng nghiêng*” cùng cái “*dòng lấp lánh*” kia được. Vả, suy cho cùng thì hai hình ảnh này đã bổ sung cho nhau. Mặt nước phải “*nghiêng nghiêng*”, ánh nắng phản chiếu xuống nước mới “*lấp lánh*”. Chứ còn dòng sông cứ bình

phẳng đôi dòng như “con sông quê hương” của Tế Hanh mà lại có “lòng sông lấp lánh” thực khó lẫn. Song cái hay, cái độc đáo mang lại giá trị đột xuất cho khổ thơ và cả bài thơ phải chăng vẫn là cái dáng “nằm nghiêng nghiêng” của con sông Đuống? Để từ đó con sông như có hồn, có thần thái và đầy nữ tính. Nó không âm ào, thờ phì phờ như con sông Hồng “*cuộn đờ phù sa*” của Viễn Phương cũng chẳng chết cứng như dòng Hương “*buồn thiu*” của Hàn Mặc Tử. Mà, nó duyên dáng, e thẹn như “em” – nhân vật xuất hiện ngay ở câu đầu bài thơ (mặc dầu “em” chính là sự phân thân của tác giả) và hiền hòa như “*những cô hàng xóm răng đen*”, “*cười như mùa thu tỏa nắng*”, “*trên vùng đất Kinh Bắc trù phú*”. Dòng Đuống bình thản, hiền hòa là thế nhưng sao nó lại phải gắn với cuộc “*kháng chiến trường kì*” (thời gian) gắn với cảnh “*lưỡi dùi lê sắc máu*” của “*chó ngọ một đàn*”, với ruộng khô, nhà cháy, với “*chia lia trăm ngả*” với “*tan tác về đâu*” và tư thế “*nghiêng nghiêng*” ấy nép mình nấp trốn những cái hoàn toàn trái với thuộc tính của nó thậm chí khi cần trong âu lo, hoảng loạn nó có thể chạy trốn nữa? Hèn chi mà liền khổ thơ sau, nhà thơ có cảm giác “*nhớ tiếc*” mà “*xót xa*” đến nỗi “*như rụng bàn tay*”. Tôi chắc rằng khi viết khổ thơ này dù nó là những dòng đầu của bài thơ, Hoàng Cầm không đắn đo, cân nhắc về nghệ thuật lẫn đâu song chính từ lặp “*nghiêng nghiêng*”, vẫn “*iêng*” (“*nghiêng nghiêng*”, “*kháng chiến*”) cùng sự chuyển đổi đột ngột từ câu ngắn (ngắn hơi) bốn tiếng:

“*Sông Đuống trôi đi*
Một dòng lấp lánh”

tới câu dài (dài hơn) tám chữ:

“*Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*”

Đã tạo cho khổ thơ một tâm trạng, một cái hơi tiếc nuối rất cần thiết (không phải đợi tới câu “*Đứng bên này sông sao nhớ tiếc*” của khổ thơ kế mà ta mới nhận ra điều ấy). Như vậy, chỉ qua một câu thơ thôi, tác giả đã cho ta phát hiện cùng một lúc cả độ viên và độ nhoe, cái sáng tỏ và cái mơ hồ của thơ ca. Thông qua tâm trạng “*nhớ tiếc*” của ông là hình ảnh cô gái e dè, ấp úng rất “*có duyên*” hay cái dáng vẻ sợ sệt đến tội nghiệp của dòng Đuống và của cả những cô gái hiền lành vùng Kinh Bắc mà tác giả muốn nói? Khổ thơ hay và nhiều tầng nghĩa là ở chỗ này.

Bao quát lại, ấn tượng khắc chạm trọn vẹn nhất vào tâm hồn người đọc qua khổ thơ vẫn là tính cá thể của con sông Đuống. Nó cũng mang những nét tâm trạng như con người, cũng cử động tựa quây chùng như muốn bứt khỏi cái khuôn khổ một dòng sông mà đi. Chính điểm sáng tạo này đã mang lại giá trị đặc biệt cho khổ thơ nói riêng và cho toàn bài thơ nói chung. Để từ đây, ta nhìn con sông Đuống của Hoàng Cầm khác “*Con sông quê hương*” của Tế Hanh, khác con sông miệt Vàm Cỏ Đông của Hoài Vũ. Bởi, cùng lắm Tế Hanh chỉ hé mở cho ta thấy một “*con sông xanh biếc*” có “*nước gương soi tóc những hàng tre*” - rõ ràng con sông của Việt Nam là đặc sản của Việt Nam nhưng thử hỏi: làm sao đếm hết ở nước này có bao nhiêu con sông? Ngược lại, tìm ra cái dáng “*nằm nghiêng nghiêng*” “*bãi mía bờ dâu*” cùng bờ “*cát trắng phẳng lì*” kia thì chỉ có ở mỗi con sông Đuống của Hoàng Cầm, chỉ có ở mỗi con sông Thiên Đức – Một nhánh của Sông Hồng trên vùng đất bắc Ninh mà thôi.

Tôi sinh ra và lớn lên trên mảnh đất nam Bộ. Cái vị ngọt của ngọn mía lau, của dòng Cửu Long Giang chín nhánh uốn khúc tôi đã nếm; sóng nước Hàm Luông tôi đã trải qua. Còn xứ Huế đắm tình với gái Đồng Khánh “*chi mô rứa*” với sông Hương, núi Ngự

tuy xa song tôi đã tỏ vì nghe nhắc nhiều quá. Phải đợi tới hôm nay. Khi chỉ thâm nhập vào mỗi nhịp đập trái tim xốn sang của Hoàng Cầm, cọ xát chung với nỗi đau “rụng rời” cho quê hương mình của Bùi Tằng Việt, tôi mới hay mình còn biết đến con sông Đuống e lệ, lặng lẽ và bước đầu thấy được trên mình Tổ Quốc một “vùng đất Kinh Bắc huê tình, diễm lệ, đầy ắp huyền thoại và bảng lảng một làn sương khói dân ca”.

(*Quang Huy – “Lời giới thiệu tập thơ Hoàng Cầm” -1990*)

III. LÀM VĂN

ĐỀ 1: Bình giảng mười câu đầu trong bài “ Bên kia sông Đuống” của Hoàng Cầm

“ Em ơi, buồn làm chi.

(...) Sao xót xa như rụng bàn tay”

***Bài làm**

Mười câu đầu là cái nhìn toàn cảnh “Bên kia sông Đuống”

- Sáu câu đầu có vần “i” chi phối. Những câu thơ nghe như một tiếng an ủi, thăm thì của nhân vật trữ tình với “em”. Ngờ như có một người con gái nhỏ đầy đau khổ, đứng chết lặng bên này sông mà không được qua sông. Tác giả lên tiếng vỗ về “em” nhưng cũng là vỗ về chính mình.

- “Em” là một đại từ không xác định. Em là một cô gái đã gắn bó với “Bên kia sông Đuống” em là người đồng quê. Em là một cô gái Kinh Bắc của ngày xưa, đã từng quen nhau, đã từng gắn bó, nhưng chưa có điều kiện để cau trầu. Cho nên tương lai hết bóng giặc: “ Anh lại tìm em”. Nhà thơ cần có một đối tượng để được giải bày tâm tình dào dạt của mình. “Em” có thể là nhân vật của kí ức, cũng có thể là nhân vật trữ tình tự phân thân đấy thôi.

- Toàn cảnh không chỉ có không gian mà cả thời gian nữa. Ta thấy dòng thời gian tha thiết trôi theo dòng sông Đuống.

Sông Đuống trôi đi

Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì...

Thật khó giải thích cho ra lẽ cái “*nằm nghiêng nghiêng*” của con sông Đuống. Chỉ biết rằng cái dáng ấy mới tạo cho sông Đuống thành một sinh thể có hồn và đầy tâm trạng.

Cái nếp mình e lệ bên “*bãi mía bờ dâu*” tạo nên duyên sắc cho một dòng sông? Hay là sự lo âu, vắng lặng khi giặc về?

- Câu thơ kết thúc đoạn một là một hình ảnh rất cụ thể như cảm giác được nỗi lòng đau xót của nhân vật trữ tình:

“Sao xót xa như rụng bàn tay”

ĐỀ 2: Bình giảng đoạn thơ

“Bên kia sông Đuống

Quê hương ta lúa nếp thơm nồng

(...) Bây giờ tan tác về đâu”

*** Bài làm**

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người

(*Quê hương – Đỗ Trung Quân*)

Có lẽ đúng như thế! Nếu Hoàng Cầm không yêu quê hương, nhớ quê hương, tha thiết với quê hương và đau nỗi đau của quê hương thì có lẽ anh sẽ không làm được bài thơ “Bên kia sông Đuống” hay như vậy. Tác phẩm đã diễn tả sinh động hình ảnh quê hương ở thời bình và thời chiến mà tiêu biểu là đoạn:

“... Bên kia sông Đuống
... Bây giờ tan tác về đâu?”

Đã hơn một lần ta bắt gặp mùi hương lúa nếp đầu mùa trong các tác phẩm văn học Việt Nam. Nguyễn Đình Thi đã gửi mùi thơm hương cốm mới vào một sáng mùa thu. Ở đây ta lại nghe thoang thoảng mùi thơm lúa nếp trên quê hương Kinh Bắc. Quê hương hiện về với bao cảnh đẹp. Những bờ dâu bãi cát, nương mía nương ngô trù phú xanh tươi và đọng lại với thanh khiết của hương lúa nếp. Phải! Đó là cái mùi dường như là “đặc sản” chỉ có ở dân tộc Việt Nam. Người dân đi đâu cũng nhớ về hương lúa, hương thơm của những cánh đồng trĩu hạt nặng bông là kỉ niệm của riêng mình:

*Cái mộc mạc lên hương của lúa
Đâu dễ chia cho tất cả mọi người*

(Hơi ấm ổ rơm – Nguyễn Duy)

Bên cạnh hương lúa nếp ấy, quê hương Kinh Bắc được nhắc đến với những tranh làng Hồ đậm màu dân tộc. Những chú lợn với các xoáy âm dương xoay tròn tượng trưng cho sự hòa hợp của đất trời và đó cũng là nguyện vọng làm ăn phát đạt của người dân. Rồi các chú bé đầu để chỏm với những bức tranh hứng dừa thật đặc sắc và đám cưới chuột hiện lên thật vui nhộn đã phản ánh những nét sinh hoạt và phong tục cổ truyền của làng quê Việt Nam. Đời sống văn hóa tinh thần người dân thật chân chất bình dị nhưng chan hòa không khí vui tươi, đoàn kết. Thật độc đáo khi Hoàng Cầm phát hiện gam màu trong bức tranh ấy là “màu dân tộc” phải, đó là màu của dân tộc Việt chứ không phải màu du nhập từ phương trời nào khác. Màu ấy đã được những nghệ nhân tìm tòi khai thác từ loài cỏ cây, từ hoa đồng cỏ nội để pha chế sắc màu. Màu dân tộc phải được thổi lên loại giấy cũng rất dân tộc; “giấy điệp”. Đó là loại giấy được tráng lên bằng chất liệu vỏ sò, vỏ ốc để có sắc màu trắng tinh khiết... Nổi nhớ quê hương với những bức tranh làng Hồ nổi tiếng đã gợi lại bao kỉ niệm ngọt ngào trong kí ức nhà thơ. Nổi nhớ êm đềm như khúc hát ru trên nhịp nôi đưa nhẹ nhàng và hình như Hoàng Cầm cũng muốn ôm trọn lấy nó. Điều đặc biệt là trong đêm khi nhớ về quá khứ thì những mùi hương có sức khơi gợi đánh thức con người mãnh liệt. Chút yên hương của quê nhà ấy chính là điểm gợi đầu tiên để Hoàng Cầm sang bên kia sông Đuống bằng suy tưởng – Nhớ về mùi hương nó rất độc đáo nhưng cũng rất tự nhiên bởi vì những hương thơm, giọng hò... là “bóng” chứ không phải là... “hình” của hiện thực. Nó rất khó nắm bắt nhưng cũng dễ khơi gợi một vùng trời kỉ niệm thân yêu:

“Sao có thể ôm tròn nỗi nhớ
Trong đêm giày vò gầy tiếng dế giữa bao la
Sao có thể ướp hương thơm nội cỏ
Với mùi lúa lên đồng làm kem mát cho da?”

(Chút yên hương quá khứ – Thái Quang Vinh)

Thế nhưng cái ước muốn ấy không bao giờ nhà thơ thực hiện được. Vì sao thế? Chiến tranh, đơn giản hai chữ ấy nhưng đã chứa trong đó bao sự tàn phá chết chóc thật

khủng khiếp, Quang Dũng từng xót xa “*Những xác già nua ngập cánh đồng*” và cảm giận “*Bao lần rồi xác trẻ trôi sông?*”

Hoàng Cầm cũng đồng tâm trạng đó, quê hương tiêu điều xơ xác thê lương:

*“Quê hương ta từ ngày khủng khiếp
Giặc kéo lên ngàn ngọn lửa hung tàn
Ruộng ta khô
Nhà ta cháy
Chó ngọ một đàn
Lưỡi dài lê sắc máu
Kiệt cùng ngô thảm bờ hoang”*

Nhịp thơ đang kéo dài bỗng tắc nghẽn lại, dồn ứ lại với ba tiếng trong một dòng:

*Ruộng ta khô
Nhà ta cháy*

Nhịp gắt cắt ra đối với nhịp bình thường. Đường như bao cảm giận, dồn nén được gói trọn vào hai dòng thơ này. Hoàng Cầm đã hiểu tinh tế tâm lí người nông dân. Ruộng và nhà là tài sản quý nhất của họ, là gia sản mà họ kế thừa từ đời này sang đời khác nhưng giờ đây không còn gì cả, đã khô đã cháy hết rồi. Câu thơ mang tính chất liệt kê nhưng vẫn có sức khái quát cao vì đã biểu hiện một cách sinh động nỗi lòng người dân.

Dòng thơ “*Kiệt cùng ngô thảm bờ hoang*” buông chùng như tiếng thở dài bế tắc. Câu thơ như kêu cứu, van nài bên bờ vực thẳm nhưng dường như không ai cứu được nên nó rơi vào tuyệt vọng. Cái độc đáo của nhà thơ Hoàng Cầm là ở chỗ anh không nói đến con người mà chỉ hướng đến bức tranh. Lúc đầu thì “*Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong, màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp*”. Hai câu thơ đã cô đọng và thể hiện khá đầy đủ những nét đặc sắc của tranh làng Hồ: Cái hồn dân gian và dân tộc của nó từ đề tài (*gà, lợn*) đến đường nét và màu sắc tươi sáng (*sáng bừng, nét tươi trong*) chất liệu độc đáo (*giấy điệp*). Còn về sau thì ông dùng hai bức tranh tương phản để nói cảnh chia lia.

Trên là hòa bình, là quá khứ, dưới là chiến tranh, là hiện tại; trên là sum họp dưới là chia lia, xưa là cuộc sống, nay là cái chết, xưa là thiên đường hạnh phúc nay là địa ngục trần gian.

Hình tượng bức tranh như sống động trước mắt ta:

*“Mẹ con đàn lợn âm dương
Chia lia đôi ngựa
Đám cưới chuột đang tung bừng rộn rã
Bây giờ tan tác về đâu?”*

Tranh dân gian dường như trở thành tranh của tâm hồn chính mà thơ nó là cuộc sống, là nhịp thở của vùng Kinh Bắc. Nó chen vào nỗi nhớ của anh và thành một yếu tố quan trọng trong nỗi nhớ quê hương. Câu thơ như trộn lẫn thực và ảo vì đàn “*chó ngọ*”, “*mẹ con đàn lợn âm dương*”, “*đám cưới chuột*” đang quay cuồng trong cơn lốc chiến tranh ảo vì nhớ lại hình ảnh êm đềm quá khứ, thực vì nó sống động trong tâm trí nhà thơ như những cảnh thật ngoài đời, như con người thật quê hương. Thật đúng như thế vì những bức tranh làng Hồ chính là cái nhìn và niềm ao ước của con người về cuộc sống ấm no yên vui hạnh phúc thanh bình mà nay chỉ là niềm hoài vọng và anh cũng không biết rõ “*bây giờ tan tác về*

đâu?”. Đó cũng là sự xót xa đau đớn, căm hận. Nó trở thành điệp khúc lặp đi lặp lại ở những đoạn sau để cuối cùng “*chúng ta không biết người hôn*”.

“Bên kia sông Đuống” của Hoàng Cầm hay chính là nỗi lòng nhà thơ khi hay tin giặc chiếm quê mình. Có lẽ vì vậy, nên khi tiếp xúc lần đầu với bài thơ Nguyên Hồng đã tuôn trào nước mắt... Đoạn thơ khép lại nhưng mở ra trước mắt ta những hình ảnh tươi đẹp về ngày đất nước hòa bình thống nhất để quê hương Kinh Bắc bên kia sông Đuống không còn “tan tác về đâu” mà sẽ giống dòng sông Đáy.

Sông Đáy chạm nguồn quanh Phủ Quốc

Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng

(“Đôi mắt người Sơn Tây - Quang Dũng)

ĐỀ 3: Bình giảng hình ảnh mẹ già và con thơ trong “Bên kia sông Đuống” của Hoàng Cầm.

*** Bài làm**

Trong chiến tranh, bà mẹ hiện lên thật tội nghiệp.

Câu thơ như dựng lại cả một đời cơ cực khổ nhục:

“Mẹ già nua còm cõi gánh hàng rong”

Và gia tài của mẹ: “*Dăm miếng cau khô, mấy lọ phẩm hồng, vài thếp giấy...* Mẹ kiếm sống vất vả trong “*phiên chợ nghèo*” ngay cả lúc chợ đã vắng chiều, vẫn hi vọng bán được chút tiền còm (“*Chiều mùa đông*”). Vậy mà bà mẹ ấy lại phải bươn chải trong thời chiến. Số phận mẹ, cách kiếm sống sinh nhai của mẹ thật mỏng manh làm sao. “*Chợ lữ quý... vài ba vết máu*”.

Không phải ngẫu nhiên mà hình ảnh bà mẹ cứ tái hiện đi lại trong mấy câu thơ ngắn đến ba lần trong thơ Hoàng Cầm (ta biết rằng mẹ Hoàng Cầm cũng có một gánh hàng rong và giờ đây cũng đang ở “*bên kia sông Đuống*”!).

Bà mẹ “*bước cao thấp*” *lầm lũi* theo “*bờ tre hun hút*” trên con đường lầy “*Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ*”. Và có một cánh cò bay ngang (đâu phải là con cò bay lả bay la mà những người bên kia sông Đuống thường ca hát. Con cò thời chiến cũng hốt hoảng vỗ cánh bay lên vùn vụt không biết nghỉ cánh nơi nào?) Cò vốn là biểu tượng của người phụ nữ vất vả trong ca dao dân ca. Cò không biết về đâu? Mẹ ta cũng sẽ bước về đâu trong khi “*chưa bán được một đồng*”.

Nạn nhân tội nghiệp nhất trong chiến tranh là những đứa trẻ vô tội. Trẻ vừa bị đói khát lại luôn luôn bị cái sợ đe dọa. Cái chết luôn ám ảnh, hình ảnh lũ quỷ mắt xanh trừng trộ ám ảnh cả những giấc mơ.

Vấn đề 3 **ĐẤT NƯỚC**

“Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội

Mỗi bước đường ...

mỗi bước hy sinh...”

(Nguyễn Đình Thi)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1/ **Đoạn 1** (Từ đầu đến câu “*Những buổi ngày xưa vọng nói về*”) Niềm vui và niềm tự hào của nhà thơ về Đất nước trong vùng tự do.

- Cảnh Hà Nội được hiện lên trong *hoài niệm*: buổi sáng, gió mùa thu thổi đem mùi “*huương cốt mới*” tới khiến nhà thơ nhớ “*những ngày thu đã xa*” hoang vắng, thoáng buồn, trong sáng nhưng lòng đầy lưu luyến:

*“Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy”*

- Mùa thu nay đứng giữa đất trời giải phóng của núi rừng chiến khu, tác giả thấy vui tươi, phấn chấn tự hào:

+ Đất nước tươi đẹp: Không gian với “*Trời xanh, núi rừng, ruộng đồng, ngã đường, dòng sông*” đều hiện lên trong vẻ đẹp gợi cảm.

+ Điệp ngữ: “*Đây là của chúng ta*” và điệp từ “*Những*” thể hiện niềm say mê, tự hào bởi đất nước là sở hữu “*của chúng ta*”.

- Suy ngẫm về đất nước:

Truyền thống bất khuất trong quá khứ tiếp sức sống cho hiện tại:

“Đêm đêm rì rầm... nói về”

2/ **Đoạn 2:**

- Đất nước đau thương và anh dũng trong kháng chiến chống Pháp. Hình ảnh thơ có tính điển hình cao: rất cụ thể nhưng rất khái quát:

*“Ôi những cánh đồng quê chảy máu”
“Dây thép gai đâm nát trời chiều”*

Từ chất liệu thực tế đã xây dựng một hình tượng nghệ thuật độc đáo!

- Những câu thơ đã dùng một số biểu tượng không có tính sáng tạo cao và khá dân trái, dòng cảm xúc nặng nề chính luận và ý tưởng mới. Tuy nhiên hai câu kết rất đáng lưu ý:

*“Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”*

Những câu thơ bình dị, gây ấn tượng. Nó đã nói lên được đất nước Việt Nam từ đau khổ đạn bom “*đã đứng lên thành những anh hùng*” tạo nên cái “*Dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỉ*” với vẻ đẹp lung linh, hùng tráng. Đây cũng là quá trình từ “*than bụi lầy bùn*”, từ những ngày tháng “*máu trộn bùn non*” với bao nhiêu hi sinh gian khổ mới làm nên chiến thắng.

B. LUYỆN TẬP

I. Câu hỏi và bài tập

Đề bài: Bình giảng đoạn thơ:

“Sáng mát trong (...) vọng nói về”

II. Gợi ý trả lời

* **Bài làm 1:**

Đối với mảnh đất quê hương của mình, ai mà chẳng có những kỉ niệm, sự gắn bó, thân thương. Bài thơ “*Đất nước*” ra đời với tất cả sự nâng niu, ấp ủ của tác giả trong một thời gian dài 1948 – 1955. Mặc dù dựa trên những suy ngẫm của tác giả về đất nước và con người Việt Nam từ “*Sáng mát trong như sáng năm xưa*” (1948) và “*Đêm mát tinh*” (1949). “*Đất nước*” vẫn có được tính chính thể của một tác phẩm nghệ thuật và người đọc vẫn cảm nhận được nó một cách sâu sắc.

Khơi nguồn cho những cảm xúc và suy ngẫm về đất nước là những cảm giác trực tiếp trong một buổi sáng mùa thu gợi lên nỗi nhớ về đất nước:

*“Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những mùa thu đã xa”*

Hà Nội hiện lên trong tâm tưởng người thanh niên trí thức đi theo tiếng gọi cách mạng với tất cả những hình ảnh thân thuộc ngày nào: buổi sáng mùa thu trong lành, gió nhẹ thổi và đặc trong gió thoang thoảng mùi hương cốm mới – một mùi hương rất đỗi quen thuộc của Hà Nội – đã gọi lên trong tâm trí nhà thơ một nỗi nhớ da diết, bồi hồi. Chỉ bằng vài nét phác họa tác giả đã gọi lên cả không gian và thời gian, cả màu sắc và hương vị. Một điều gây thắc mắc cho ta là tại sao giữa vùng rừng núi Việt Bắc lại có được mùi “*hương cốm mới*” ấy. Nhưng nếu liên hệ đến hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, có lẽ mùi hương cốm ấy là có thật và điều này cũng có thể được hiểu: các chiến sĩ hoạt động ở vùng rừng núi rất ít khi có điều kiện về Hà Nội thăm gia đình, do đó mỗi lần về Hà Nội họ đều nhớ mang theo đặc sản của quê hương – cốm. Khi trở lại Việt Bắc và mùi hương cốm vào buổi sớm tinh mơ có lẽ bắt nguồn từ đó. Ất phải là một người yêu quê hương ghê gớm lắm tác giả mới cảm nhận được mùi hương ấy. Và có lẽ mùi hương cốm mới đã dẫn nhà thơ ngược dòng thời gian, sống lại những kỉ niệm xưa:

*“Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy”*

Mùa thu Hà Nội với những cảnh vật thiên nhiên và con người hiện ra trong hoài niệm thật cụ thể, sinh động và gợi cảm. Sự nhạy cảm, tinh tế đã giúp nhà thơ nhận ra cái “*chớm lạnh*” của buổi sáng mùa thu, cảm giác thật cụ thể cái “*xao xác hơi may trên những phố dài*”. Câu thơ rất gợi cảm, đầy ấn tượng, một phần là nhờ cách đảo ngữ: “*Những phố dài xao xác hơi may*”. Cả Hà Nội dường như trở thành một thành phố trống không, chỉ có những chiếc lá vàng bị những đợt gió heo may cuốn bay. Nhân vật người ra đi – có lẽ là người duy nhất và cuối cùng già biệt Hà Nội để lên chiến khu Việt Bắc để lại thềm nắng đầy lá vàng rơi cho nên “*đâu không ngoảnh lại*” nhưng là cả một sự xao xuyến, băng khuâng trong tâm tưởng. Hình ảnh người ra đi giữa không gian đầy màu sắc ánh sáng, tạo một ấn tượng sâu đậm, chất chứa những nỗi niềm, những tâm trạng. Với bảy chữ “*Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy*” tác giả đã vẽ nên một bức tranh cực kì gợi cảm: Một người đang bước đi, sau lưng là thềm nhà đầy nắng vàng và lá rụng. Có thể nói bốn câu thơ viết về mùa thu Hà Nội trong niềm hoài niệm của nhà thơ là những câu thơ hay nhất, đẹp nhất của bài thơ. Quả là một mùa thu buồn. Mùa thu thường buồn nhưng mùa thu ở đây có một nét buồn khó hiểu hơn. Đó là cái buồn của người công dân trong cảnh nước nhà đang rơi vào vòng máu lửa, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, mọi người rời lên chiến khu để tham gia kháng chiến, phố phường trở nên hoang vắng và hiu hắt buồn. Nhưng cái buồn ấy là cái đã, cái cần thiết cho mùa thu vui. Người ra đi buồn tha thiết với lí tưởng đất nước, và theo Tố Hữu:

“Đầu chưa trọn vẹn đã bay cờ hồng”

Đó là đất trời giải phóng ở chiến khu Việt Bắc. Có lẽ chính tình người đã đổi thay nên niềm vui đã hát lên thành lời trong bức tranh mùa thu:

“Mùa thu nay khác rồi”

*Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trong biếc nói cười thiết tha”*

Đầu tiên là xác định điểm nhìn hiện tại “mùa thu nay” và rõ ràng là “mùa thu nay” và “mùa thu quá khứ” đã “khác rồi”. Tư thế ở đây không phải là tư thế người ra đi mà là tư thế đứng giữa đất trời của người làm chủ đất nước. Tâm trạng ở đây là tâm trạng đứng giữa đất trời của người làm chủ đất nước. Tâm trạng ở đây không buồn mà được xác định là “vui giữa đất trời”. Thiên nhiên đã được nhân hóa, nó không im lặng mà như đang lên tiếng nói từ “rừng tre phấp phới” cho đến trời thu “trong biếc nói cười thiết tha”. Giọng điệu thơ biến đổi hẳn: khỏe khoắn với những câu thơ ngắn gọn. Khổ thơ không hề xuất hiện những hình ảnh ước lệ sen tàn, cúc nở như mùa thu trong thơ cổ, cũng không có “áo mơ phai dệt lá vàng” dài các như mùa thu trong thơ mới mà hiện diện bằng những hình ảnh bình dị, dân dã, khỏe khoắn và tươi vui hơn. Cảnh sắc thiên nhiên vừa tươi sáng vừa trong trẻo hòa hợp với tâm trạng vui hồ hởi của con người tạo nên một vẻ đẹp mới của mùa thu đất nước. Nếu mùa thu ở trên với những chiếc lá vàng bay đem theo cái se lạnh cả lòng người thì ở đây cảnh vật đã hoàn toàn đổi khác. Thiên nhiên đang trở mình và cùng con người đón mùa thu mới, một mùa thu với những thắng lợi vẻ vang - làm lạc quan, xao xuyên lòng người. Rõ ràng cảm hứng công dân đã tạo cho bài thơ một cảnh thu và tình thu rất khác so với những bài thơ mùa thu khác. Nguyễn Đình Thi đã đem đến một nét mới cho những bài thơ viết về mùa thu.

Từ cảm xúc mới mẻ về mùa thu, mạch thơ vận động một cách khá tự nhiên dẫn đến niềm tự hào về tình yêu sâu nặng đối với đất nước:

*“Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngọt
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa”*

Điệp ngữ “của chúng ta” cùng với những từ chỉ định “đây” có tính chất khẳng định vang lên một cách đường hoàng, đĩnh đạc thể hiện niềm tự hào về quyền làm chủ đất nước chính đáng của nhân dân Việt Nam – một đất nước giàu tiềm lực với “những cánh đồng thơm mát, những ngả đường bát ngát, những dòng sông đỏ nặng phù sa”. Điệp từ “những” thể hiện một sự đa dạng, phong phú khó có thể kể hết. Là công dân của một nước, ai lại không sung sướng trước cảnh nước nhà ấm no, hạnh phúc, “trời đây chim và đất đây hoa”. Và cùng với niềm tự hào chân chính ấy là tình cảm gắn bó thiết tha, sâu nặng với đất nước mà chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nó. Từ giọng thơ phơi phới bốc men say, giọng thơ bỗng trở nên sâu lắng, đầm thắm khi nói tới truyền thống lịch sử bất khuất của đất nước:

*“Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về”*

Ở đây cảm hứng thời đại được kết hợp hài hòa với cảm hứng lịch sử. Câu thơ tạo không khí trang trọng, thiêng liêng vì đã khơi đúng mạch truyền thống tinh thần ngàn đời của dân tộc. Tổ quốc từ ngàn xưa đến nay với biết bao áng văn đã ca ngợi tinh thần làm chủ đất nước như thơ Lý Thường Kiệt, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, thơ của Nguyễn Đình

Chiểu, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh đều nói lên khát vọng làm chủ đất nước. Hơn thế nữa lịch sử dân tộc với hàng ngàn năm kiên cường chống xâm lược luôn vang vọng tiếng nói đến hiện tại và mỗi người đều có thể tự hào khi nghĩ đến truyền thống của cha ông. Đó là một đất nước và nhân dân anh hùng với truyền thống không chịu khuất phục trước bất kì thế lực ngoại xâm nào. Những vang vọng của quá khứ qua những trang sử vàng luôn là những lời tâm huyết nhất của cha ông gửi đến chúng ta, những thế hệ trẻ đang ngày đêm tiếp nối truyền thống của cha ông: dựng nước, giữ nước mà cụ thể ở đây là cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp.

Khép lại bài thơ là hình ảnh khái quát, tượng trưng cho đất nước từ trong máu lửa chiến tranh, từ trong đau thương căm phẫn đứng dậy hào hùng.

*“Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”*

Đây là khổ thơ duy nhất trong bài có kết cấu ngắn gọn. Cách ngắt nhịp dồn dập tạo nên một âm hưởng hùng tráng. Nguyễn Đình Thi đã dựng lại hình ảnh hào hùng của đất nước với một bối cảnh rộng lớn bằng thủ pháp điện ảnh – một nghệ thuật có tính chất tổng hợp. Những hình ảnh này tác giả lấy chất liệu trực tiếp từ chiến trường Điện Biên, trong tiếng đại bác rền vang rung trời, các chiến sĩ ta từ các chiến hào ào ạt xông lên như nước vỡ bờ. Nhà thơ đã tạo nên bức tượng đài của đất nước sừng sững hiện lên chói ngời trên cái nền của máu, lửa, bùn lầy, trong một không gian dồn dập và âm vang tiếng súng nổ.

*** Bài làm 2**

Có thể nói trong dòng văn học thời kì kháng chiến chống Pháp là dòng văn học phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng. Trong giai đoạn này những sáng tác chủ yếu hướng về cảm hứng đất nước, dân tộc với những người lính đang bảo vệ Tổ quốc. Song hành với “*Việt Bắc*” của Tố Hữu, “*Bên kia sông Đuống*” của Hoàng Cầm vốn là những tác phẩm xuất sắc, “*Đất nước*” của Nguyễn Đình Thi cũng đã làm rực rỡ không kém cho nền văn hóa thời kì oanh liệt này. Đặc biệt là đoạn “*Mùa thu nay khác rồi... Những buổi ngày xưa vọng nói về*” đã phản ánh rõ nét chủ đề của bài thơ:

*“Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi”*

Đứng giữa đất trời Việt Bắc mệnh mông, nhà thơ đã nhớ lại một mùa thu đã xa của Hà Nội, mùa thu mà người chiến sĩ phải giã từ những gì thân thương nhất, từng góc phố, ngôi nhà, để ra đi vì nhiệm vụ của mình, để lại sau lưng cả một khung trời Hà Nội chỉ còn là “*Những phố dài xao xác hơi may*”. Thế nhưng thay vào quá khứ buồn đau đó là cả một hiện tại vui tươi và hết sức lạc quan. Tư thế của người chiến sĩ ấy không phải là tư thế của một người ra đi mà là tư thế của một con người làm chủ đất nước. “*Mùa thu nay khác rồi*”. Thật vậy, chiến thắng “*Thu Đông*” năm 1947 đã làm thay đổi tất cả. Mùa thu Việt Bắc đã đem lại cho con người ngập tràn niềm vui:

*“Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha”*

Hoàn toàn đối lập với mùa thu xưa, mùa thu nay là một nốt nhạc rộn rã, tươi vui và sống động. Cả rừng tre như reo vui trong gió. Thật kì lạ, cơn gió mùa thu không mang đến cái hơi may, cái sâu thẳm mà trái lại, nó còn cung cấp cho sự vật một nhựa sống tràn trề, trời thu cũng vậy. Câu thơ làm ta liên tưởng đến bầu trời “*Với áo mơ phai dệt lá vàng*” của Xuân Diệu. Nhưng giờ đây, bầu trời đã được mùa thu khoác lên mình một chiếc áo mới có lẽ là xinh xắn hơn, và rực rỡ hơn chứ không phải là một màu héo úa, tàn tạ. Ta hình dung tác giả đang đứng trước khung trời Việt Bắc, một không gian khoáng đãng, một buổi sáng trong lành, một bầu trời cao xanh, tất cả đều mang một sức sống mới. “*Trong biếc nói cười thiết tha*” cái gì “*trong biếc*”? Ai nói cười? Câu thơ quả thật là khó hiểu, có đến ba vị ngữ và đồng thời khả năng xuất hiện chủ ngữ rất nhiều. Phải chăng cái cảm giác mà nhà thơ đã có được khi cảm xúc về mùa thu ở Việt Bắc? Có lẽ ở đây, ít nhiều mùa thu cũng nhuộm một màu sắc của tâm trạng, tâm trạng của một con người được làm chủ đất nước:

*“Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta”*

Câu thơ vang lên, đong dạc như một tuyên ngôn của đất nước, dân tộc và con người Việt Nam. “*Đây là của chúng ta*”, phải, Nguyễn Đình Thi như muốn nói to lên cho đồng bào và cho cả kẻ thù biết rằng chúng ta đã có được chủ quyền đất nước của mình vốn đã bị đánh cắp bấy lâu nay.

*“Những cánh đồng thơm ngọt
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa”*

Ba câu thơ nhưng chỉ có một cấu trúc. Ở đây, điệp từ “*những*” đã làm cho không gian như rộng thêm ra. “*Những cánh đồng, những ngả đường, những dòng sông*”, đất nước Việt Nam dường như được trải ra vô tận. Con người Việt Nam đã được đứng lên cương vị làm chủ một đất nước rộng lớn, trù phú, quả thật, niềm vui đó đâu còn gì bằng, nhất là đối với chúng ta, những con người từng bị áp bức, bóc lột, mất chủ quyền biết bao năm qua. Nhip thơ mạnh mẽ, hùng hồn bỗng chợt lắng xuống.

*“Nước chúng ta,
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về”*

Niềm vui thắng lợi đã làm cho nhà thơ chợt nghĩ về truyền thống đấu tranh của dân tộc đã được phát huy trong cuộc kháng chiến. Đó là sự anh dũng, kiên trì, bất khuất. Quá khứ dường như được hiện lên trên trước mắt nhà thơ. “*Chưa bao giờ khuất*”. Những người dân, những chiến sĩ, những anh hùng thuở xưa, dẫu họ có ngã xuống, có hi sinh, nhưng dường như tâm hồn, cùng với tên tuổi họ vẫn còn, vẫn sống với chúng ta hôm nay. Nhưng có lẽ, Nguyễn Đình Thi còn muốn nói xa hơn nữa, xuyên suốt chiều dài lịch sử, trải qua bao ách đô hộ, họ, những con người kiên cường ấy, chưa hề khuất phục trước bất kì một kẻ thù nào. Và đó đã trở thành truyền thống ngàn đời của dân tộc, nó thấm nhuần trong từng tấc đất, từng mảnh vườn để rồi hôm nay, và cả mai sau, mỗi khi có giặc đến, thì nó lại trở nên dữ dội trong lòng người, như là một chí khí mãnh liệt sẵn sàng đánh thắng kẻ thù xâm lược để bảo vệ và giành lại đất nước thân yêu.

“*Đất nước*” của Nguyễn Đình Thi là một thành tựu xuất sắc của văn học, trong thời kỳ chống Pháp. Giọng điệu khi tươi vui khi hùng hồn, khi lắng đọng. “*Đất nước*” còn có thể được xem là một đoạn để nối tiếp bản trường ca về cuộc chiến đấu anh dũng của dân tộc Việt Nam từ mấy thế kỉ qua.

C. LỜI BÌNH

1/ Ở bài *Đất nước*, chúng ta nên đi sâu hơn vào những mảng tâm trạng của tác giả. Mảng đầu tiên là những gợi nhớ về Hà Nội, gợi nhớ bắt đầu từ thời tiết “*Sáng mát trong như sáng năm xưa*”. Sáng năm xưa ấy là ở Hà Nội, chớm lạnh, đầy hương cốm mới, phố phường như dài ra trong hơi gió heo may xao xác. Những chi tiết khởi gợi của gió đầu mùa có cái gì rất nhớ nhung, rất xa vắng...

Mảng tâm trạng thứ hai: Tâm trạng trước hiện thực ở Việt Bắc. Giọng thơ vui, câu thơ ngắn như tiếng reo, có cái phấn chấn hồ hởi, gợi lên một không gian rộng, mới mẻ nhiều hoạt động... không khí thu trong biếc nên các âm thanh trở nên vang vọng ngân nga, tiếng nói cười trở nên thiết tha khác lạ.

(Vũ Quần Phương)

2/ Nguyễn Đình Thi với bài thơ *Đất nước* (trò chuyện với nhà thơ). Khi bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi ra đời, trong giới thơ có nhiều ý kiến khác nhau. Phải chăng *Đất nước* được sáng tác không theo phương pháp cổ điển truyền thống, mà cũng không theo phong cách thơ mới. Phải chăng nó phóng túng quá mà trở nên xa lạ... Nguyễn Đình Thi không chịu bó mình trong khuôn phép cũ, anh muốn tìm một cách thể hiện mới, anh muốn thơ phải gợi được nhiều cách cảm thu khác nhau.

Nguyễn Đình Thi thai nghén *Đất nước* từ những năm đầu kháng chiến cùng với những ca khúc *Diệt phát xít, Người Hà Nội*, nhưng hai ca khúc thì được sáng tác ngay, còn bài thơ mãi đến năm 1955, hòa bình lập lại, mới ra đời.

... Nguyễn Đình Thi sôi nổi giải thích: Anh đã viết với một tình yêu say đắm về đẹp hùng vĩ và rất thơ mộng của đất trời Việt Nam. Không chỉ thế, anh còn viết với cả những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi ấu thơ và cả một thời trai trẻ mê say nồng nhiệt. Anh nhớ lại năm 13, 14 tuổi, cậu thiếu niên học sinh Hà Nội Nguyễn Đình Thi đã nhiều lần nằm dưới gốc cây bên Hồ Tây, ngửa mặt ngắm trời xanh hàng buổi không chán với biết bao khát vọng đẹp đẽ. Rồi những buổi mê mải chơi bên bờ sông Hồng, ngụp lặn giữa sông mát lạnh nặng phù sa. Và những năm kháng chiến gian khổ, gắn bó với núi rừng Việt Bắc, và xa hơn nữa, còn có cả sự gắn bó với một miền rừng núi biên giới Lào – Thái Lan, nơi anh sinh ra và sống ở đó đến năm, sáu tuổi.

Với lời bình, “... kĩ thuật phối âm mới lạ, cái hay của Nguyễn Đình Thi là tổng hợp được các tiết điệu khác nhau và phân phối các âm bằng trắc một cách sáng tạo”, anh Thi cho đây là một nhận xét tinh.

(Theo Đào Khương)

D. ĐỀ LUYỆN TẬP

ĐỀ 1: Bình giảng: “*Ôi những cánh đồng (...) mắt người yêu*”

ĐỀ 2: Bình giảng khổ thơ kết bài “*Đất nước*” của Nguyễn Đình Thi.

ĐỀ 3: Phân tích tính bi tráng trong bài “*Tây Tiến*” của Quang Dũng.